

Phân tích các tỷ lệ an toàn mới trong Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 22/2019/TT-NHNN

Tùng Đỗ – tung.dt@vdsc.com.vn

- Ngày 29/4/2026, NHNN đã công bố dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư 22/2019/TT-NHNN (TT22) với nhiều quy định mới, thay đổi về tỷ lệ an toàn trọng yếu tiệm cận tiêu chuẩn Basel III như sau: (1) Bổ sung tỷ lệ hoàn toàn mới là Tỷ lệ đòn bẩy; (2) Nâng cấp ba tỷ lệ thanh khoản mới bao gồm: (i) Tỷ lệ khả năng chi trả LCR thay thế cho hai Tỷ lệ khả năng chi trả (gồm tỷ lệ dự trữ thanh khoản và tỷ lệ khả năng chi trả 30 ngày); (ii) Tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng NFSR thay thế cho Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn; (iii) Tỷ lệ cấp tín dụng so với huy động vốn CDR thay thế cho tỷ lệ cho vay so với tiền gửi LDR.
- Thời hạn áp dụng dự kiến theo dự thảo từ ngày 01/01/2028. Dự thảo Thông tư chưa bắt buộc áp dụng ngay tỷ lệ tối thiểu 100% đối với tỷ lệ LCR và NFSR mà nâng dần theo lộ trình từ mức tối thiểu lần lượt là 70% và 90% bắt đầu từ năm 2028 lên ngưỡng tối thiểu là 100% lần lượt vào năm 2031 và 2030. Các ngân hàng chưa tuân thủ mức tối thiểu 100% đối với tỷ lệ LCR và NFSR từ ngày 01/01/2028 thì sẽ phải đảm bảo duy trì tỷ lệ CDR tối đa 85%. Khi Thông tư mới có hiệu lực, các ngân hàng có đủ năng lực có thể đăng ký với Ngân hàng Nhà nước để áp dụng ngay tỷ lệ LCR và NFSR ở mức 100% thay cho các quy định cũ theo TT22 cũng như không bắt buộc phải tuân thủ tỷ lệ CDR. Trong khi đó, tỷ lệ đòn bẩy LEV một công cụ bổ sung cho các yêu cầu về tỷ lệ an toàn vốn nên việc áp dụng chưa bắt buộc có hiệu lực từ ngày 01/01/2028 mà sẽ được Thống đốc quyết định áp dụng khi cần thiết trong từng thời kỳ.
- Chúng tôi cho rằng bản Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung TT22 không nhằm tới việc giải quyết vấn đề thanh khoản trong hệ thống ngân hàng hiện nay mà là một sự nâng cấp về hệ thống các tiêu chuẩn quản lý thanh khoản đã được lên lộ trình để tiến gần hơn tới tiêu chuẩn Basel III.
- Các tỷ lệ thanh khoản mới theo dự thảo này đều là quy định khắt khe hơn nhiều so với quy định cũ (TT22), buộc các ngân hàng phải thay đổi một cách toàn diện cấu trúc bảng cân đối kế toán. Ví dụ, các quy định khuyến khích các NHTM huy động tiền gửi từ bán lẻ (có tính chất ổn định hơn) so với huy động nguồn vốn ngắn hạn từ thị trường liên ngân hàng ở phía nguồn vốn, và khuyến khích nắm giữ các tài sản có tính thanh khoản cao (như TPCP) và hạn chế các tài sản rủi ro, kém thanh khoản (như cho vay BĐS dài hạn hoặc đầu tư TPDN rủi ro) ở phía tài sản. Về mặt tác động kinh doanh, các quy định này nhiều khả năng sẽ tạo ra những thay đổi cấu trúc như tăng chi phí vốn (do gia tăng cạnh tranh huy động tiền gửi ổn định trên thị trường 1) và giảm khả năng sinh lời, cùng hiệu suất sử dụng vốn (do yêu cầu phải giữ một phần vốn dưới dạng tài sản sản thanh khoản cao HQLA – vốn có lợi suất thấp hơn cho vay thương mại).

Về tỷ lệ đòn bẩy (Leverage Ratio — LEV)

$$\text{Tỷ lệ LEV} = \frac{\text{Vốn cấp 1}}{\text{Tổng trạng thái rủi ro (EM)}} \times 100\%$$

Đây là một tỷ lệ hạn chế trạng thái rủi ro nội và ngoại bảng cân đối kế toán (gồm trạng thái giao dịch phái sinh, cam kết ngoại bảng,...) bằng cách yêu cầu các ngân hàng phải nắm giữ **tối thiểu 3%** vốn cấp 1 so với tổng trạng thái, bất kể rủi ro tài sản là bao nhiêu, nhằm tránh cấp tín dụng quá mức.

Tỷ lệ này giới hạn khả năng chi trả cổ tức tiền mặt của các ngân hàng có tầm quan trọng hệ thống khi nhóm ngân hàng này chỉ được phân chia lợi nhuận khi đảm bảo **tỷ lệ vốn lõi cấp 1 (CET 1)** theo quy định tại Thông tư 14/2025/TT-NHNN (gồm 7% + tỷ lệ bộ đệm vốn đối với ngân hàng có tầm quan trọng hệ thống) và **tỷ lệ LEV riêng lẻ tối thiểu (3% + 50% x tỷ lệ bộ đệm vốn đối với ngân hàng có tầm quan trọng hệ thống)**.

Do tỷ lệ này là một công cụ bổ sung cho các yêu cầu về tỷ lệ an toàn vốn nên việc áp dụng chưa bắt buộc có hiệu lực từ ngày 01/01/2028 mà sẽ được Thống đốc quyết định áp dụng khi cần thiết trong từng thời kỳ.

Về tỷ lệ khả năng chi trả LCR

Bảng: Các thay đổi chính khi sử dụng Tỷ lệ LCR thay thế cho Tỷ lệ khả năng chi trả

Tỷ lệ khả năng chi trả Quy định hiện hành theo Thông tư 22/2019	Tỷ lệ LCR trong dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung
<ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ dự trữ thanh khoản = $\frac{\text{Tài sản thanh khoản cao}}{\text{Tổng Nợ phải trả}} \times 100\%$ Yêu cầu tối thiểu 10% để dự trữ thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu chi trả đến hạn và phát sinh ngoài dự kiến. Tỷ lệ khả năng chi trả 30 ngày = $\frac{\text{Tài sản thanh khoản cao}}{\text{Dòng tiền ra ròng trong 30 ngày tiếp theo}} \times 100\%$ 	<ul style="list-style-type: none"> Thay thế bằng tỷ lệ khả năng chi trả LCR theo chuẩn Basel III $\text{LCR} = \frac{\text{HQLA đủ tiêu chuẩn}}{\text{Dòng tiền ra ròng trong 30 ngày tiếp theo}} \times 100\%$ Dự thảo quy định chi tiết hơn về tài sản có tính thanh khoản cao đủ tiêu chuẩn HQLA, phân lớp tài sản dựa trên chất lượng và tính thanh khoản trên thị trường thứ cấp và bổ sung hệ số chiết khấu: <ul style="list-style-type: none"> Tài sản cấp 1: Tài sản có tính thanh khoản cao nhất (không bị chiết khấu).

- **Tài sản thanh khoản cao** được liệt kê theo nhóm (Tiền mặt, vàng, tiền gửi tại NHNN, GTCG được sử dụng trong các giao dịch của NHNN, tiền gửi tại các TCTD khác, TPDN niêm yết xếp hạng AA- trở lên...).
- **Dòng tiền ra ròng** = Tổng dòng tiền ra dự kiến – Tổng dòng tiền vào dự kiến.
 - Dòng tiền ra và dòng tiền vào chủ yếu được xác định dựa trên ngày đã xác định theo hợp đồng.
- **Quy định ngưỡng tối thiểu:** Trong trường hợp dòng tiền ra ròng là dương, các NHTM duy trì tỷ lệ này tối thiểu đối với đồng VNĐ là **50%**, đối với ngoại tệ là **10%**.

- Tài sản cấp 2: Cấp 2A, Cấp 2B với các hệ số chiết khấu (haircut) chung lần lượt là 15% và 25%-50%.
- **Tổng dòng tiền ra ròng** = Tổng dòng tiền ra dự kiến – Min (Tổng dòng tiền vào dự kiến, 75% Tổng dòng tiền ra dự kiến).
 - Dòng tiền ra phân loại theo từng nhóm (bán lẻ, bán buôn, cam kết ngoại bảng) gắn với *hệ số rút tiền* nhất định để phản ánh hành vi khách hàng.
 - Dòng tiền vào áp dụng *hệ số thu tiền* tùy thuộc vào TSBD. Công thức hàm ý Tổng dòng tiền vào bị giới hạn tối đa ở mức **75%** tổng dòng tiền ra dự kiến.
- **Quy định ngưỡng tối thiểu nâng dần theo lộ trình:** 70% (2028), 80% (2029), 90% (2030), 100% (2031).
- **Lộ trình áp dụng từ 01/01/2028.**
 - Trước thời hạn này, các ngân hàng vẫn phải tuân thủ tỷ lệ khả năng chi trả theo TT22/2019;
 - Hoặc đăng ký áp dụng tỷ lệ **LCR** với ngưỡng tối thiểu 100% sau khi Thông tư có hiệu lực thi hành.

Nguồn: NHNN, CTCK Rồng Việt tổng hợp

Nhận định về tỷ lệ LCR: Trong TT22, các quy định về tỷ lệ khả năng chi trả có phương pháp tính theo mô hình đơn giản và có ngưỡng thấp hơn nhiều so với dự thảo thông tư (ngưỡng tối thiểu của tỷ lệ khả năng chi trả 30 ngày theo TT22 là 50% đối với đồng VNĐ). Trong khi đó, dự thảo Thông tư sửa đổi bổ sung các điều kiện khắt khe hơn rất nhiều so với quy định cũ.

- **Phần tử số bị siết chặt do yêu cầu HQLA không bị ràng buộc và áp dụng hệ số chiết khấu theo phân cấp chất lượng:** HQLA trong LCR phải là tài sản không bị ràng buộc - không đang cầm cố, không đang dùng làm TSBD (VD: có thể loại trừ số dư TPCP được sử dụng trong giao dịch repo với NHNN hoặc liên ngân hàng). Ngoài ra, HQLA Cấp 2A bị chiết khấu 15%, Cấp 2B bị chiết khấu 50% và bị giới hạn tỷ trọng cũng sẽ khiến tử số LCR thực tế nhỏ hơn tổng tài sản thanh khoản theo sổ sách.
- **Mẫu số lớn hơn do áp dụng hệ số rút tiền căng thẳng hóa dòng tiền ra và giới hạn tổng dòng tiền vào.** Mỗi khoản mục dòng tiền ra được áp dụng hệ số rút tiền theo nguyên tắc tiền gửi “ổn định” (VD: tiền gửi của khách hàng có quan hệ lâu dài, hoặc tiền gửi được bảo hiểm hoàn toàn) hoặc nguồn vốn bán buôn được bảo đảm bằng TSBD có tính thanh khoản cao thì có hệ số rút tiền thấp (VD: 5% đối với tiền gửi bán lẻ ổn định) và ngược lại. Phần nguồn vốn từ liên ngân hàng không TSBD sẽ có hệ số rút tiền rất cao 100%. Đồng thời, dòng tiền vào chỉ được tính tối đa 75% dòng tiền ra và khoản cho vay đến hạn chỉ tính hệ số thu tiền 50%.
- **Tác động: Sự chuyển đổi này khiến việc quản lý thanh khoản trở nên "đắt đỏ" hơn đối với các ngân hàng nhưng mang lại lợi ích bền vững hơn cho hệ thống.** Để đạt LCR ≥ 70% đến 100%, ngân hàng phải gia tăng nắm giữ HQLA Cấp 1 (VD: TPCP, tiền gửi NHNN), vốn có lợi suất thấp hơn so với hoạt động cho vay thương mại, đồng thời giảm phụ thuộc vào nguồn vốn “kém ổn định” như liên ngân hàng ngắn hạn, tiền gửi tổ chức lớn, thường có chi phí huy động thấp. Các hành động này, về cơ bản, gia tăng chi phí cơ hội hoặc chi phí vốn trực tiếp và tạo áp lực lên khả năng sinh lời của ngân hàng. Mặt khác, yêu cầu khắt khe hơn của LCR tạo ra “bộ đệm” thanh khoản rất tốt cho các ngân hàng và có thể giảm thiểu đáng kể rủi ro về thanh khoản hệ thống.

Về tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng NFSR

Bảng: Các thay đổi chính khi sử dụng Tỷ lệ NFSR thay thế cho Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn

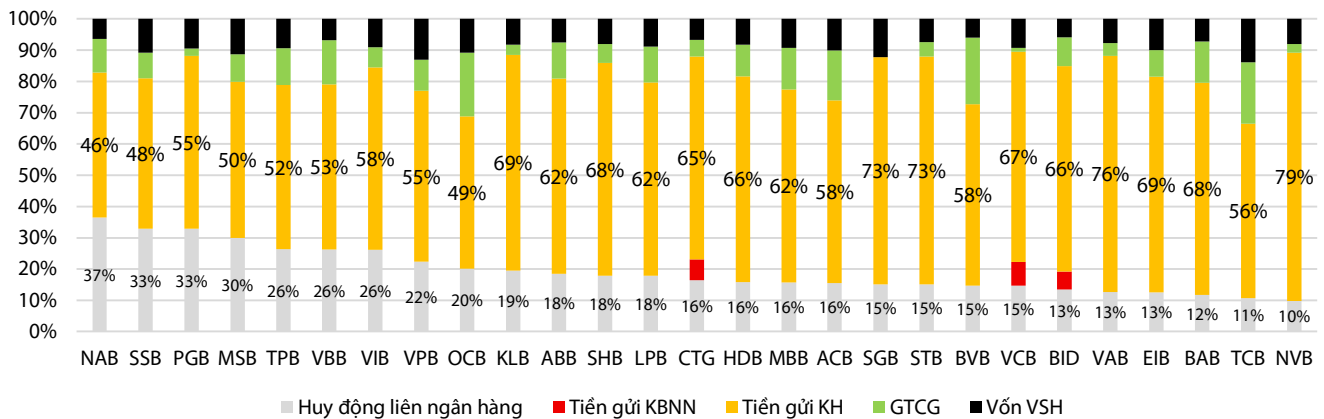
Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn Quy định hiện hành theo Thông tư 22/2019	Tỷ lệ NFSR trong dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung
<ul style="list-style-type: none"> • Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn $= \frac{\text{Dư nợ trung dài hạn} - \text{Vốn trung dài hạn}}{\text{Vốn ngắn hạn}} \times 100\%$ • Phạm vi tài sản và nợ: Tập trung vào kỳ hạn còn lại của các khoản vay và huy động; Tính 100% giá trị dư nợ, huy động (loại trừ tiền gửi KBNN) và không phân biệt chất lượng, thanh khoản hay khả năng chứng khoán hóa. • Quy định ngưỡng tối đa: Mức hiện tại là 30%. 	<ul style="list-style-type: none"> • Thay thế bằng tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng NFSR theo chuẩn Basel III. $\text{NFSR} = \frac{\text{Nguồn vốn ổn định sẵn có (AFS)}}{\text{Nguồn vốn ổn định yêu cầu (RFS)}} \times 100\%$ • Phạm vi tài sản và nợ: Tính toán trên toàn bộ bảng cân đối kế toán và các cam kết ngoại bảng, đảm bảo danh mục tài sản được tài trợ bởi nguồn vốn ổn định đủ trong 1 năm. <ul style="list-style-type: none"> ◦ <i>Nguồn vốn ổn định sẵn có ASF</i> được tính trong phạm vi vốn chủ sở hữu và nợ phải trả. Các cấu phần này được phân nhóm và áp dụng hệ số ASF (từ 0%–100%) theo nguyên tắc tính ổn định càng cao thì hệ số ASF càng cao. AFS có mở rộng cho phần tiền gửi KBNN. ◦ <i>Nguồn vốn ổn định yêu cầu RSF</i> bao gồm toàn bộ tài sản nội bảng, tài sản phái sinh và cam kết ngoại bảng. Các tài sản được phân loại và áp dụng hệ số RSF. RSF được hiệu chỉnh dựa trên kỳ hạn tài sản, chất lượng tài sản, thanh khoản tài sản (VD: TPCP và HQLA được ưu đãi RSF thấp). • Quy định một ngưỡng tối thiểu nâng dần theo lộ trình: 90% (2028), 95% (2029), 100% (2030). • Lộ trình áp dụng tương tự tỷ lệ LCR. Trước thời hạn áp dụng, các ngân hàng vẫn phải tuân thủ tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn theo TT22/2019.

Nguồn: NHNN, CTCK Rồng Việt tổng hợp

Nhận định về tỷ lệ NFSR: Sự thay đổi từ tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn (TT22) sang Tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng - NFSR là một bước chuyển quan trọng từ quản lý thanh khoản theo "kỳ hạn danh nghĩa" sang quản lý theo "bản chất ổn định" của nguồn vốn theo chuẩn Basel III.

- **Áp lực tái cơ cấu nguồn vốn** (từ số ASF). Quy định về NFSR sẽ khuyến khích các NHTM ưu tiên huy động các khoản tiền gửi bán lẻ và giấy tờ có giá trung dài hạn (được gán hệ số ASF >90% cao nhờ tính chất ổn định) và giảm sự phụ thuộc vào nguồn vốn huy động trên thị trường liên ngân hàng (do tiền gửi và vay TCTD khác có kỳ hạn dưới 6 tháng chỉ được gán hệ số ASF = 0% và kỳ hạn từ 6-12T có hệ số ASF là 50%). Các ngân hàng có mức độ phụ thuộc lớn vào nguồn vốn ngắn hạn liên ngân hàng chịu ASF sụt mạnh so với tổng nợ phải trả trên bảng cân đối và sẽ chịu nhiều áp lực gia tăng chi phí vốn để tái cơ cấu nguồn vốn.
- **Áp lực tái cơ cấu tài sản** (mẫu số RSF). Quy định về NFSR hạn chế các NHTM cấp tín dụng kỳ hạn dài (tính thanh khoản thấp) hoặc có rủi ro cao (góp vốn mua cổ phần, cho vay thế chấp BĐS, TPDN, ...) do các tài sản này bị gán hệ số RSF cao từ 50%-100%. Điều này hàm ý rằng nếu các NHTM muốn theo đuổi một danh mục tài sản có kỳ hạn dài và rủi ro cao (mẫu số RSF lớn hơn) thì sẽ có tỷ lệ NFSR thấp và bắt buộc ngân hàng phải tìm kiếm các nguồn vốn dài hạn và đắt đỏ (như vốn chủ sở hữu hoặc tiền gửi dài hạn) để tài trợ cho RSF. Mặt khác, để tối ưu hóa tỷ lệ NFSR mà vẫn kiểm soát chi phí huy động, các NHTM sẽ có xu hướng: Tăng tỷ trọng các tài sản thanh khoản cao như TPCP (RSF = 0% hoặc rất thấp), ưu tiên các khoản cho vay ngắn hạn dưới 1 năm (RSF thấp hơn), siết chặt tiêu chuẩn cho vay đối với các lĩnh vực rủi ro cao như bất động sản dài hạn.
- **Tác động: Việc áp dụng tỷ lệ NFSR nhiều khả năng thúc đẩy quá trình tái cơ cấu về quy mô, chất lượng của cả nguồn vốn và tài sản.** Trong ngắn hạn, điều này có thể đồng nghĩa với tốc độ tăng trưởng tín dụng giảm và chi phí vốn của các NHTM tăng với mức độ ảnh hưởng phụ thuộc vào tính chất của nguồn vốn và tài sản. Nhưng, về dài hạn, nó tạo ra một "bộ đệm" an toàn vững chắc, giúp hệ thống ngân hàng Việt Nam tránh được các cú sốc thanh khoản tương tự như giai đoạn 2011-2012.

Hình 1: Các ngân hàng có mức độ phụ thuộc lớn vào nguồn vốn ngắn hạn liên ngân hàng nhiều khả năng chịu áp lực gia tăng chi phí vốn cao hơn để tái tuân thủ tỷ lệ NFSR



Nguồn: Báo cáo các ngân hàng niêm yết, CTCK Rồng Việt ước tính

Về tỷ lệ CDR

Bảng: Các thay đổi chính khi sử dụng Tỷ lệ CDR thay thế cho Tỷ lệ LDR

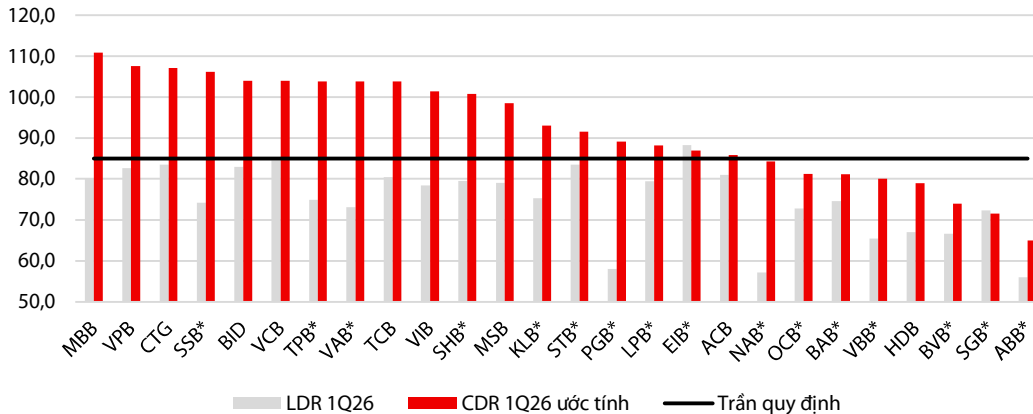
Tỷ lệ LDR Quy định hiện hành theo Thông tư 22/2019	Tỷ lệ CDR trong dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung
<ul style="list-style-type: none"> • Tỷ lệ cho vay so với tiền gửi LDR $LDR = \frac{L(\text{Tổng dư nợ cho vay})}{D(\text{Tiền gửi})} \times 100\%$ <ul style="list-style-type: none"> • Tổng dư nợ cho vay: Dư nợ cho vay đối với cá nhân, tổ chức và các khoản ủy thác cho vay. • Tiền gửi: Tiền gửi của cá nhân và tổ chức trong nước và nước ngoài (bao gồm cả tiền gửi liên ngân hàng), loại trừ tiền gửi KBNN, tiền ký quỹ và tiền gửi vốn chuyên dùng; Tiền huy động từ phát hành GTCC. • Ngưỡng tối đa 85%. 	<ul style="list-style-type: none"> • Thay thế bằng tỷ lệ cấp tín dụng so với huy động vốn CDR $CDR = \frac{C(\text{Tổng dư nợ cấp tín dụng})}{D(\text{Huy động vốn})} \times 100\%$ <ul style="list-style-type: none"> • Tổng dư nợ cấp tín dụng: Mở rộng thành toàn bộ dư nợ cấp tín dụng (gồm cho vay, đầu tư TPDN, chiết khấu, bao thanh toán, bảo lãnh, thư tín dụng,...). ◦ Phần khấu trừ cho dư nợ cấp tín dụng: Được khấu phần vốn chủ sở hữu (gồm VDL, và các quỹ, thặng dư vốn cổ phần, chênh lệch tỷ giá,...). • Huy động vốn: Loại trừ tiền gửi liên ngân hàng và số dư GTCC được nắm giữ bởi TCTD khác; Được tính thêm 20% tiền gửi KBNN có kỳ hạn. • Ngưỡng tối đa 85%. Tuy nhiên, đối với các NHTM đã tuân thủ ngưỡng tối thiểu 100% đối với tỷ lệ LCR và NFSR thì không phải tuân thủ tỷ lệ CDR.

Nguồn: NHNN, CTCK Rồng Việt tổng hợp

Nhận định về tỷ lệ CDR: Sự chuyển đổi từ LDR sang CDR tiếp tục cho thấy sự thắt chặt trong quản lý của NHNN trong việc kiểm soát rủi ro thanh khoản hơn là một động thái làm hạ nhiệt căng thẳng của hệ thống hiện tại dù tỷ lệ CDR tái cho phép tính 20% tiền gửi KBNN có kỳ hạn vào phần huy động vốn, thay vì loại trừ toàn bộ như hiện nay.

- **Mở rộng tử số khi bao hàm nhiều hình thức cấp tín dụng:** Trước đây, tỷ lệ LDR chỉ tính các khoản cho vay. Tỷ lệ CDR được thiết kế để tương thích với các định nghĩa về "Cấp tín dụng" rộng hơn trong Luật Các tổ chức tín dụng 2024, bao quát cả các hình thức cấp tín dụng ngoài cho vay truyền thống (VD: đầu tư TPDN, phát hành thư tín dụng, bảo lãnh trước đây không tính vào dư nợ cho vay nhưng bản chất vẫn là cấp tín dụng). Điều này cũng có thể khiến các ngân hàng cũng sẽ có ít động lực "chuyển đổi" hình thức cấp tín dụng hơn nhằm làm đẹp chỉ số thanh khoản, phản ánh hoạt động cấp tín dụng thực chất hơn.
- **Siết chặt mẫu số với việc lược bỏ nguồn vốn huy động từ thị trường 2:** Tỷ lệ CDR đã lược bỏ hoàn toàn nguồn vốn huy động từ thị trường liên ngân hàng, bao gồm tiền gửi, vay từ TCTD và cả số dư GTCG được nắm giữ bởi các TCTD khác, ngoại trừ 20% tiền gửi 20% tiền gửi KBNN có kỳ hạn.
- **Tác động:** Thúc đẩy quá trình cấu trúc tốc độ tăng trưởng tín dụng và gia tăng áp lực huy động thị trường 1, gián tiếp ảnh hưởng khả năng sinh lời các ngân hàng chưa đủ khả năng tuân thủ. Theo dự thảo Thông tư, tỷ lệ CDR dự kiến được áp dụng từ 01/01/2028 trừ khi các ngân hàng đã đảm bảo đủ tỷ lệ tối thiểu 100% đối với tỷ lệ LCR và NFSR. Với việc tử số lớn hơn (gia tăng định nghĩa cấp tín dụng) và mẫu số giảm (loại bỏ huy động thị trường 2) trong khi ngưỡng an toàn vẫn giữ ở mức 85%, điều này đồng nghĩa với việc các ngân hàng sẽ đối mặt với khả năng vi phạm tỷ lệ CDR khá cao nếu không có sự kiểm soát về giảm tốc tăng trưởng tín dụng / tăng huy động thị trường 1 tương ứng. Chúng tôi ước tính có 17/26 ngân hàng niêm yết (loại trừ NVB) vi phạm tỷ lệ CDR trong 1Q26, như một cách để hình dung thách thức rất lớn trong hai năm tới liên quan chi phí tuân thủ. Do đó, các NHTM cũng sẽ cần cân nhắc về hiệu quả giữa việc tuân thủ sớm tỷ lệ tối thiểu 100% LCR, NFSR và việc tuân thủ tỷ lệ CDR.

Hình 2: Ước tính 17/26 ngân hàng niêm yết vi phạm tỷ lệ CDR dựa trên số liệu KQKD 1Q26



Nguồn: Báo cáo các ngân hàng niêm yết, CTCK Rong Việt ước tính *Bao gồm ước tính tỷ lệ LDR

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT - HỘI SỞ

Tầng 1 đến Tầng 8, Tòa nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh

☎ (+84) 28 6299 2006 ✉ info@vdsc.com.vn
 🌐 www.vdsc.com.vn 📄 MST 0304734965

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow, 02 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội

☎ (+84) 24 6288 2006
 ☎ (+84) 24 6288 2008

CHI NHÁNH NHA TRANG

Tầng 7, Tòa nhà Sacombank, 76 Quang Trung, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

☎ (+84) 25 8382 0006
 ☎ (+84) 25 8382 0008

CHI NHÁNH CẦN THƠ

Tầng 8, Tòa nhà Sacombank, 95-97-99 Võ Văn Tần, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

☎ (+84) 29 2381 7578
 ☎ (+84) 29 2381 8387

CHI NHÁNH VŨNG TÀU

Tầng 2 Tòa nhà VCCI Building, 155 đường Nguyễn Thái Học, Phường Tam Thẳng, Thành phố Hồ Chí Minh

☎ (+84) 25 4777 2006

CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG

Tầng 3 Tòa nhà Becamex Tower, số 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh

☎ (+84) 27 4777 2006

CHI NHÁNH ĐỒNG NAI

Tầng 8 Tòa nhà TTC Plaza, 53-55 đường Võ Thị Sáu, Phường Trăn Biên, Tỉnh Đồng Nai

☎ (+84) 25 1777 2006



DỊCH VỤ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ
TỐT NHẤT VIỆT NAM 2025
 GIẢI THƯỞNG GLOBAL BANKING & FINANCE

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Rong Viet Securities tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được Rong Viet Securities thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của Rong Viet Securities. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của Rong Viet Securities đều trái luật. **Bản quyền thuộc Rong Viet Securities, 2025.**